

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-40

267
NG T
PH
G TH
T-Đ
3 PIP
EN-TN

01
C
AC
AN
02

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 13/03/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 250320.010/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Óng thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Óng thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.341.859.920.851	1.013.168.552.111
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.405.541.314	20.624.757.586
111	1. Tiền		13.405.541.314	20.624.757.586
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		904.647.966.585	606.499.707.756
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	898.778.326.255	588.243.775.809
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	15.871.718.525	41.885.137.280
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.747.054.003	9.119.926.865
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32.749.132.198)	(32.749.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	9	417.818.585.160	378.328.855.208
141	1. Hàng tồn kho		417.818.585.160	378.328.855.208
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.987.827.792	7.715.231.561
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.085.140.286	4.094.896.082
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.902.687.506	3.620.335.479
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		417.037.553.238	406.890.995.567
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		49.564.402.292	110.340.864.277
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	67.607.630.640
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	49.564.402.292	42.733.233.637
220	II. Tài sản cố định		174.155.659.122	111.604.073.241
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	156.147.877.787	97.324.280.678
222	- Nguyên giá		479.340.493.325	401.486.592.205
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(323.192.615.538)	(304.162.311.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	18.007.781.335	14.279.792.563
228	- Nguyên giá		22.398.866.201	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.391.084.866)	(4.042.697.266)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		43.940.747.487	55.243.213.246
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	43.940.747.487	55.243.213.246
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		110.583.525.837	99.892.192.159
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	110.583.525.837	99.892.192.159
260	VI. Tài sản dài hạn khác		38.793.218.500	29.810.652.644
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	38.793.218.500	29.810.652.644
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.758.897.474.089	1.420.059.547.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.065.784.175.164	793.264.801.574
310	I. Nợ ngắn hạn		1.038.900.704.819	790.773.489.324
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	342.815.577.012	281.692.486.265
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		347.051.897	2.062.760.125
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.013.688.065	1.686.683.792
314	4. Phải trả người lao động		12.941.225.925	10.786.799.282
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.836.100.672	2.739.823.912
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.097.011.319	1.320.028.407
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	766.894.669	1.097.194.633
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	630.376.601.995	461.959.949.055
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.706.553.265	27.427.763.853
330	II. Nợ dài hạn		26.883.470.345	2.491.312.250
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.788.232.250	2.491.312.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	24.095.238.095	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		693.113.298.925	626.794.746.104
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	693.113.298.925	626.794.746.104
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	375.997.100.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		421.115.890.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		39.014.416.963	35.789.986.640
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.464.494.460	5.661.628.693
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		156.604.807.764	139.441.378.920
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		94.322.588.921	104.875.207.236
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		62.282.218.843	34.566.171.684
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		78.303.039	69.265.152
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.758.897.474.089	1.420.059.547.678



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	6.854.778.062.411	6.946.724.677.588
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	18.281.582.626	26.769.085.404
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.836.496.479.785	6.919.955.592.184
11	4. Giá vốn hàng bán	23	6.611.057.507.625	6.737.602.157.757
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		225.438.972.160	182.353.434.427
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.190.262.118	5.798.307.330
22	7. Chi phí tài chính	25	41.574.858.000	40.011.312.279
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		41.572.040.937	39.990.072.442
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		10.691.333.678	832.148.862
25	9. Chi phí bán hàng	26	77.957.215.874	66.371.271.109
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.204.056.937	32.397.815.432
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.584.437.145	50.203.491.799
31	12. Thu nhập khác	28	955.631.235	3.467.380.600
32	13. Chi phí khác	29	773.220.022	1.104.189.797
40	14. Lợi nhuận khác		182.411.213	2.363.190.803
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.766.848.358	52.566.682.602
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	15.576.866.125	8.232.482.144
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>75.189.982.233</u>	<u>44.334.200.458</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		75.179.940.135	44.322.643.504
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		10.042.098	11.556.954
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.575	961

Võ Thị Hồng Thắm

Người lập

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		90.766.848.358	52.566.682.602
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		20.157.902.520	24.351.168.862
03	- Các khoản dự phòng		-	(360.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(62.631)	461.393
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.055.545.964)	(2.953.699.554)
06	- Chi phí lãi vay		41.572.040.937	39.990.072.442
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	111.488.139
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		141.441.183.220	113.706.173.884
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(258.849.579.491)	7.070.763.594
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(39.489.729.952)	255.396.946.715
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		66.037.639.389	(15.666.029.997)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.972.810.060)	(8.838.810.051)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(41.575.605.521)	(40.097.423.619)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.874.473.787)	(11.539.429.259)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.592.640.000)	(5.989.075.453)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(149.876.016.202)	294.043.115.814
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(50.211.592.022)	(32.645.122.196)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		318.181.818	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	70.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.030.468	2.724.328.470
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(49.847.379.736)	40.079.206.274
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.105.942.700.475	4.953.390.440.164
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.913.430.809.440)	(5.282.505.940.895)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.774.000)	(8.076.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		192.504.117.035	(329.123.577.331)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(7.219.278.903)	4.998.744.757
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	20.624.757.586	15.626.474.222
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	62.631	(461.393)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<u>13.485.541.314</u>	<u>20.624.757.586</u>



[Handwritten signature]

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 13/03/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết cấu, tủ sắt, kết cấu, thang sắt, đồ sắt trắng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 40.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;

- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho văn phòng ... được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty con là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức đang trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư đối với hoạt động sản xuất theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp, cụ thể: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009). Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty mẹ hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% và công ty con hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty mẹ và công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	181.546.857	815.604.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.223.994.457	19.809.153.100
	<u>13.405.541.314</u>	<u>20.624.757.586</u>

4 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2019			01/01/2019		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	110.583.525.837	28,60%	28,60%	99.892.192.159
			<u>110.583.525.837</u>			<u>99.892.192.159</u>

Công ty liên kết có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Phúc. Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm xem thuyết minh số 35.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	231.737.465.011	-	157.336.261.655	-
<i>Trong đó:</i>				
- Phải thu ngắn hạn	231.737.465.011	-	67.607.630.640	-
- Phải thu dài hạn	-	-	89.728.631.015	-
Công ty TNHH Thép Nam Châu	203.204.113.628	-	165.229.337.166	-
Công ty Cổ phần Thép Tổng hợp Công ty Phúc Tiến (TNHH)	11.034.989.344	-	31.808.956.635	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	55.552.035.781	-	23.331.636.447	-
	91.358.987.075	-	47.588.223.070	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	93.607.038.280	-	65.723.933.880	-
Phải thu khách hàng khác	212.283.697.136	(32.749.132.198)	164.833.057.596	(32.749.132.198)
	898.778.326.255	(32.749.132.198)	655.851.406.449	(32.749.132.198)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	23.664.220.194	-	14.362.920.931	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Mình	1.137.000.000	-	27.069.537.586	-
Công ty TNHH Kiến trúc ACT Việt Nam	4.794.256.677	-	3.861.626.214	-
Công ty TNHH Sản xuất Cầu trục và Kết cấu Công nghiệp VNC	1.600.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni	1.320.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	7.020.461.848	-	10.953.973.480	-
	15.871.718.525	-	41.885.137.280	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.194.000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	176.000	-	-	-
Tạm ứng	5.060.658.560	-	1.962.873.600	-
Ký cược, ký quỹ	17.175.980.750	-	6.862.780.000	-
Phải thu khác	509.044.693	-	294.273.265	-
	22.747.054.003	-	9.119.926.865	-
b) Dài hạn				
UBND Huyện Bình Xuyên (*)	441.580.000	-	187.300.000	-
Tiền đền bù Giải phóng mặt bằng (*)	49.122.822.292	-	42.545.933.637	-
	49.564.402.292	-	42.733.233.637	-

(*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (25ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	32.749.132.198	-	32.749.132.198	-

Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản nợ xấu nêu trên.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	12.888.286.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	233.187.395.195	-	148.435.430.835	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.269.556.405	-	15.363.337.933	-
Thành phẩm	173.361.633.560	-	201.641.799.640	-
	417.818.585.160	-	378.328.855.208	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	43.940.747.487	33.372.078.621
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City ⁽²⁾	35.366.202.033	23.431.836.894
- Trung tâm Thương mại Mê Linh	-	1.365.696.273
Mua sắm tài sản cố định	-	21.871.134.625
- Nhà Biệt Thự BT5 - Splendor	-	21.871.134.625
	43.940.747.487	55.243.213.246

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2019: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty CP Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội;
- Địa điểm: Xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng giai đoạn I;
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	129.881.524.772	240.973.496.311	29.032.996.404	1.598.574.718	401.486.592.205
- Mua trong năm	-	6.446.042.482	864.204.545	-	7.310.247.027
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	71.322.865.002	-	-	-	71.322.865.002
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(779.210.909)	-	(779.210.909)
Số dư cuối năm	201.204.389.774	247.419.538.793	29.117.990.040	1.598.574.718	479.340.493.325
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	59.076.488.864	220.991.216.535	22.496.031.410	1.598.574.718	304.162.311.527
- Khấu hao trong năm	7.755.295.303	9.845.670.400	2.208.549.217	-	19.809.514.920
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(779.210.909)	-	(779.210.909)
Số dư cuối năm	66.831.784.167	230.836.886.935	23.925.369.718	1.598.574.718	323.192.615.538
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	70.805.035.908	19.982.279.776	6.536.964.994	-	97.324.280.678
Tại ngày cuối năm	134.372.605.607	16.582.651.858	5.192.620.322	-	156.147.877.787

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 76.088.457.241 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 201.712.309.522 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
- Mua trong năm	4.076.376.372	-	4.076.376.372
Số dư cuối năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.939.272.266	103.425.000	4.042.697.266
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	4.287.659.866	103.425.000	4.391.084.866
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.279.792.563	-	14.279.792.563
Tại ngày cuối năm	18.007.781.335	-	18.007.781.335

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 103.425.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.210.516.630	1.657.099.264
Chi phí quảng cáo	791.290.323	1.124.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	83.333.333	947.796.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	366.000.000
	2.085.140.286	4.094.896.082
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.705.688.569	5.882.153.165
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	6.120.000.000	9.360.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	16.931.012.289	5.106.129.395
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.549.760.956	8.614.856.684
Chi phí quảng cáo	486.756.686	847.513.400
	38.793.218.500	29.810.652.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	87.986.126.779	87.986.126.779	80.115.089.510	80.115.089.510
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	67.909.931.605	67.909.931.605	34.668.826.750	34.668.826.750
Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung	66.943.957.321	66.943.957.321	-	-
Công ty Cổ phần Tiến Bộ Quốc tế	49.830.539.220	49.830.539.220	-	-
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	-	-	31.840.048.680	31.840.048.680
Công ty TNHH Thép Nam Châu	24.307.248.450	24.307.248.450	65.534.511.800	65.534.511.800
Phải trả các đối tượng khác	45.837.773.637	45.837.773.637	69.534.009.525	69.534.009.525
	342.815.577.012	342.815.577.012	281.692.486.265	281.692.486.265

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	82.796.957	64.581.414.220	62.003.526.501	-	2.660.684.676
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	257.076.493	257.076.493	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.514.473.787	15.576.866.125	7.874.473.787	-	9.216.866.125
Thuế Thu nhập cá nhân	-	89.413.048	918.860.502	872.136.286	-	136.137.264
Thuế Tài nguyên	-	-	2.923.000	2.923.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	582.514.250	582.514.250	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	103.000.000	103.000.000	-	-
	-	1.686.683.792	82.026.654.590	71.699.650.317	-	12.013.688.065

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	37.691.715	41.256.299
- Chi phí tiền điện	3.139.408.957	2.019.567.613
- Chi phí phải trả khác	659.000.000	679.000.000
	3.836.100.672	2.739.823.912

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	487.995.800	753.828.500
- Bảo hiểm xã hội	3.753.650	5.705.000
- Bảo hiểm y tế	-	11.585.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	76.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	257.323.323	265.097.323
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.745.896	60.978.810
	766.894.669	1.097.194.633
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.788.232.250	2.491.312.250
	2.788.232.250	2.491.312.250
c) Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>	27.500.000	27.500.000

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	461.959.949.055	461.959.949.055	5.080.642.700.475	4.913.430.809.440	629.171.840.090	629.171.840.090
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	310.666.155.113	310.666.155.113	3.505.342.149.174	3.330.398.886.108	485.609.418.179	485.609.418.179
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	115.661.522.871	115.661.522.871	1.108.426.025.670	1.112.022.160.290	112.065.388.251	112.065.388.251
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	35.632.271.071	35.632.271.071	91.953.937.284	127.586.208.355	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	372.520.588.347	343.423.554.687	29.097.033.660	29.097.033.660
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	2.400.000.000	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.204.761.905	-	1.204.761.905	1.204.761.905
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	1.204.761.905	-	1.204.761.905	1.204.761.905
	461.959.949.055	461.959.949.055	5.081.847.462.380	4.913.430.809.440	630.376.601.995	630.376.601.995
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	25.300.000.000	-	25.300.000.000	25.300.000.000
	-	-	25.300.000.000	-	25.300.000.000	25.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(1.204.761.905)	-	(1.204.761.905)	(1.204.761.905)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	24.095.238.095	24.095.238.095

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:*Đơn vị tính: VND*

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2019	Hình thức bảo đảm
1	Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					485.609.418.179	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1509578/HĐTD ngày 19/11/2018, hợp đồng hạn mức sửa đổi ngày 15/11/2019	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	15/01/2020	Quy định cụ thể tại từng kế ước vay	310.724.686.343	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1853346/HĐTD ngày 19/11/2018, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 15/11/2019	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	15/01/2020	Quy định cụ thể tại từng kế ước vay	174.884.731.836	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên					112.065.388.251	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19.65.0001/2019 – HĐCVHM/NHCT262 – ONG THEP VIET DUC ngày 10/10/2019	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	10/10/2020	Quy định cụ thể tại từng kế ước vay	53.071.280.640	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.65.0001/2019- HĐCVHM/NHCT262-THEP VIET DUC ngày 17/04/2019	90.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	31/03/2020	Quy định cụ thể tại từng kế ước vay	58.994.107.611	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc					29.097.033.660	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 122/KHDN – LTK/2018 ngày 04/03/2019	100.000.000.000	Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động bổ sung phục vụ sản xuất kinh doanh	04/03/2020	Quy định cụ thể tại từng kế ước vay	29.097.033.660	Tài sản đảm bảo
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					2.400.000.000	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 19/PY/DN-ĐB/HDK716 ngày 13/11/2019	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	13/12/2020	Quy định cụ thể tại từng kế ước vay	2.400.000.000	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					629.171.840.090	

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn:*Đơn vị tính: VND*

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2019	Nợ phải trả trong 12 tháng tới	Hình thức bảo đảm
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					25.300.000.000	1.204.761.905	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1509578/HĐTD ngày 19/11/2018, hợp đồng hạn mức sửa đổi ngày 15/11/2019	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	25.300.000.000	1.204.761.905	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					25.300.000.000	1.204.761.905	



19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	69.835.386.699	33.581.863.310	4.737.650.313	104.875.207.236	86.941.741	589.114.149.299
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	44.322.643.504	11.556.954	44.334.200.458
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	1.284.144.950	-	(5.136.579.800)	-	(3.852.434.850)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	923.978.380	923.978.380	(4.619.892.020)	(29.233.543)	(2.801.168.803)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	69.835.386.699	35.789.986.640	5.661.628.693	139.441.378.920	69.265.152	626.794.746.104
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	35.789.986.640	5.661.628.693	139.441.378.920	69.265.152	626.794.746.104
Tăng vốn trong năm nay (*)	45.118.790.000	-	-	-	(45.118.790.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	75.179.940.135	10.042.098	75.189.982.233
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	2.421.564.556	-	(9.686.258.224)	-	(7.264.693.668)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	802.865.767	802.865.767	(3.211.463.068)	(1.004.210)	(1.606.735.744)
Giảm khác	-	-	-	-	1	(1)	-
Số dư cuối năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	39.014.416.963	6.464.494.460	156.604.807.764	78.303.039	693.113.298.925

(*): Trong quý I năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2018/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 03 tháng 12 năm 2018. Số lượng cổ phiếu đã phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 4.511.879 cổ phiếu, giá trị tương ứng theo mệnh giá là 45.118.890.000 đồng.

Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ

Căn cứ theo điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2019 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 2.421.564.556 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế năm 2019);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 7.264.693.668 đồng (tương ứng 15% lợi nhuận sau thuế năm 2019).

Phân phối lợi nhuận tại Công ty con

Căn cứ theo điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2019 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 803.367.872 đồng (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế);
- Trích Quỹ đầu khác thuộc Vốn chủ sở hữu số tiền: 803.367.872 đồng (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 1.606.735.744 đồng (tương đương 10% lợi nhuận sau thuế).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	20,18%	85.000.000.000	7,60%	28.575.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	10,75%	45.250.000.000	6,28%	23.624.990.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	23.585.200.000	0,85%	3.210.000.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	34.700.000.000	2,30%	8.660.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	21.700.000.000	2,66%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	50,08%	210.880.690.000	80,31%	301.927.110.000
	100%	421.115.890.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp tăng trong năm	45.118.790.000	-
- Vốn góp cuối năm	421.115.890.000	375.997.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	265.097.323	273.173.923
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	45.118.790.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	45.118.790.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(7.774.000)	(8.076.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(7.774.000)	(8.076.600)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(45.118.790.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(45.118.790.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>257.323.323</u>	<u>265.097.323</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.111.589	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	42.111.589	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	42.111.589	37.599.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	39.014.416.963	35.789.986.640
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.464.494.460	5.661.628.693
	45.478.911.423	41.451.615.333

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.717,25	4.532,63

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.620.003.176.681	2.990.221.765.785
Doanh thu bán thành phẩm	4.222.079.677.550	3.942.275.188.735
Doanh thu bán bất động sản	-	5.569.773.527
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.695.208.180	8.657.949.541
	6.854.778.062.411	6.946.724.677.588
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	163.812.979.686	69.047.007.300

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	17.665.165.056	25.991.409.289
Hàng bán bị trả lại	266.893.829	281.783.348
Giảm giá hàng bán	349.523.741	495.892.767
	18.281.582.626	26.769.085.404

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.595.902.351.049	2.957.266.183.777
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.009.004.160.906	3.771.346.207.134
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	5.479.731.744
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.150.995.670	3.510.035.102
	6.611.057.507.625	6.737.602.157.757

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	46.030.468	2.121.550.692
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.138.635.037	3.426.132.450
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.533.982	250.624.188
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	62.631	-
	1.190.262.118	5.798.307.330
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	-	1.400.361.111

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	41.572.040.937	39.990.072.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.817.063	20.778.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	461.393
	41.574.858.000	40.011.312.279

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	831.604.433	2.077.325.683
Chi phí nhân công	16.043.568.716	13.930.338.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.241.994.047	1.801.190.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.156.251.644	46.210.342.364
Chi phí khác bằng tiền	2.683.797.034	2.352.074.542
	77.957.215.874	66.371.271.109

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.720.883.742	7.537.877.421
Chi phí nhân công	16.246.141.789	15.723.180.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.472.934.780	2.576.979.461
Thuế, phí, lệ phí	1.273.976.353	1.068.430.027
Hoàn nhập dự phòng	-	(360.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.468.073.093	2.369.011.109
Chi phí khác bằng tiền	3.022.047.180	3.482.336.465
	27.204.056.937	32.397.815.432

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	318.181.818	-
Tiền bồi thường bảo hiểm	-	1.193.566.383
Tiền bồi thường hợp đồng	-	1.924.741.246
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	630.115.000	19.996.000
Thu nhập từ giải thể VGID	-	313.033.000
Thuế được giảm	2.620.748	-
Thu nhập khác	4.713.669	16.043.971
	955.631.235	3.467.380.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt và truy thu	103.000.000	251.385.532
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	504.219.996	504.219.996
Tiền thù lao HĐQT, BKS	156.000.000	348.000.000
Chi phí khác	10.000.026	584.269
	773.220.022	1.104.189.797

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	12.297.956.935	6.420.724.748
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Thép Việt Đức	3.278.909.190	1.811.757.396
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.576.866.125	8.232.482.144
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	111.488.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.514.473.787	4.709.932.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(7.874.473.787)	(11.539.429.259)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	9.216.866.125	1.514.473.787

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	75.179.940.135	44.322.643.504
Các khoản điều chỉnh	(8.870.425.202)	(3.841.731.003)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(8.870.425.202)	(3.841.731.003)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	66.309.514.933	40.480.912.501
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	42.111.589	37.599.710
Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	-	4.511.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.575	961

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.833.587.347.337	3.708.040.802.553
Chi phí nhân công	74.520.543.047	72.895.343.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.157.902.520	23.846.948.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.182.792.265	125.423.896.132
Chi phí khác bằng tiền	6.998.109.333	6.708.292.461
	<u>4.088.446.694.502</u>	<u>3.936.915.283.435</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.405.541.314	-	20.624.757.586	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	971.089.782.550	(32.749.132.198)	707.704.566.951	(32.749.132.198)
	<u>984.495.323.864</u>	<u>(32.749.132.198)</u>	<u>728.329.324.537</u>	<u>(32.749.132.198)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	654.471.840.090	461.959.949.055
Phải trả người bán, phải trả khác	346.370.703.931	285.280.993.148
Chi phí phải trả	3.836.100.672	2.739.823.912
	<u>1.004.678.644.693</u>	<u>749.980.766.115</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.405.541.314	-	-	13.405.541.314
Phải thu khách hàng, phải thu khác	888.776.248.060	49.564.402.292	-	938.340.650.352
	<u>902.181.789.374</u>	<u>49.564.402.292</u>	<u>-</u>	<u>951.746.191.666</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.624.757.586	-	-	20.624.757.586
Phải thu khách hàng, phải thu khác	564.614.570.476	110.340.864.277	-	674.955.434.753
	<u>585.239.328.062</u>	<u>110.340.864.277</u>	<u>-</u>	<u>695.580.192.339</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	630.376.601.995	24.095.238.095	-	654.471.840.090
Phải trả người bán, phải trả khác	343.582.471.681	2.788.232.250	-	346.370.703.931
Chi phí phải trả	3.836.100.672	-	-	3.836.100.672
	<u>977.795.174.348</u>	<u>26.883.470.345</u>	<u>-</u>	<u>1.004.678.644.693</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	461.959.949.055	-	-	461.959.949.055
Phải trả người bán, phải trả khác	282.789.680.898	2.491.312.250	-	285.280.993.148
Chi phí phải trả	2.739.823.912	-	-	2.739.823.912
	<u>747.489.453.865</u>	<u>2.491.312.250</u>	<u>-</u>	<u>749.980.766.115</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức,
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	163.812.979.686	69.047.007.300
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	163.812.979.686	68.541.770.069
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	-	505.237.231
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	189.060.000	1.113.685.161
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	189.060.000	126.660.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	-	987.025.161
Lãi cho vay vốn	-	1.400.361.111
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	-	1.400.361.111

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	23.664.220.194	14.362.920.931
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	23.664.220.194	14.362.920.931
Phải trả người bán ngắn hạn	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	-	120.000.000
Phải trả khác	27.500.000	27.500.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	13.750.000	13.750.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	13.750.000	13.750.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	584.000.000	520.150.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.298.000.000	1.134.700.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2020